

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21SNV

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/3/2023

Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	113721002	Trần Thị Phương	Đài	12/01/2003	Nữ	8,0	5,8	6,9	001		
2	113721003	Kim Thị Huỳnh	Giao	18/09/2003	Nữ	8,0	6,0	7,0	002		
3	113721008	Nguyễn Châu Mộng	Huyền	31/03/2003	Nữ	9,8	4,8	7,3	003		
4	113721010	Nguyễn Quốc	Khánh	27/12/2003	Nam	9,8	5,3	7,6	004		
5	113721011	Nguyễn Đăng	Khoa	05/06/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	005		
6	113721013	Thạch Thị Thanh	Nhi	14/02/2003	Nữ	9,5	3,8	6,7	006		
7	113721016	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	11/12/2003	Nữ	8,0	5,3	6,7	007		
8	113721017	Nguyễn Chí	Thiện	12/04/2003	Nam	8,8	3,5	6,2	008		
9	113721018	Lê Thị Minh	Thư	31/10/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	009		
10	113721019	Phạm Thị Anh	Thư	26/03/2001	Nữ	8,0	3,3	5,7	010		
11	113721021	Trần Xuân	Trúc	20/02/2003	Nữ	8,0	5,5	6,8	011		
12	113721022	Phạm Hoàng	Huyền	28/05/2003	Nữ	8,0	2,3	5,2	012		
13	113721023	Nguyễn Sơn Đăng	Trình	10/01/2003	Nam	9,8	3,8	6,8	013		
14	113721028	Huỳnh Hồng	Yến	04/06/2003	Nữ	8,0	5,3	6,7	014		
15	113721029	Đặng Nguyễn Trường	Kha	14/06/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	015		
16	113721033	Kiên Trần Hoàng	Trình	24/05/2003	Nữ	10,0	0,8		016		YFQC
17	113721034	Diệp Chí	Khải	27/10/2003	Nam	8,5	4,5	6,5	017		
18	113721035	Nguyễn Thị Phương	Như	04/10/2003	Nữ	7,8	4,0	5,9	018		
19	113721039	Lê Thị Kiều	Duyên	20/11/2003	Nữ	7,8	4,0	5,9	019		
20	113721040	Ngô Thị Kim	Hương	25/07/1997	Nữ	8,0	6,8	7,4	020		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Duy Tiến

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21SNV

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 3 / 23

Phòng thi: ĐH1-104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	113721041	Đồng Minh Tân	20/10/2003	Nam	✓	✓	✓	✓	✓	✓	CT
2	113721043	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	21/04/2003	Nữ	7,5	6,0	6,8	002	✓	✓	
3	113721045	Nguyễn Công Thuận	28/08/2003	Nam	8,0	3,8	5,9	003	✓	✓	
4	113721049	Trần Thị Đình Đang	30/07/2003	Nữ	7,0	4,8	5,9	004	✓	✓	
5	113721051	Hồ Nguyên Bảo	28/06/2003	Nam	7,8	4,5	6,2	005	✓	✓	
6	113721052	Son Hồng Linh	22/08/2003	Nam	7,5	5,5	6,5	006	✓	✓	
7	113721053	Nguyễn Thị Anh Thư	10/07/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	007	✓	✓	4,0 ^{8,1}
8	113721054	Trần Minh Thư	27/03/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	008	✓	✓	
9	113721055	Nguyễn Phan Hoàng Ngọc	09/12/2003	Nữ	8,0	2,8	5,4	009	✓	✓	
10	113721056	Phạm Trần Nhật Huy	06/08/2003	Nam	8,5	4,5	6,5	010	✓	✓	
11	113721057	Nguyễn Thị Phương Anh	13/06/2003	Nữ	7,8	3,3	5,6	011	✓	✓	
12	113721058	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23/01/2003	Nữ	9,8	4,5	7,2	012	✓	✓	
13	113721059	Nguyễn Thị Phương Tường	12/10/2003	Nữ	7,8	3,8	5,8	013	✓	✓	
14	113721061	Trần Thanh Ngân	01/03/2003	Nữ	10,0	6,3	8,2	014	✓	✓	
15	113721062	Phan Tịnh Nghi	25/12/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	015	✓	✓	
16	113721063	Lư Gia Hân	22/05/2003	Nữ	8,3	4,5	6,4	016	✓	✓	
17	113721064	Nguyễn Lâm Mộng Duyên	25/06/2003	Nữ	8,5	5,8	7,2	017	✓	✓	
18	113721065	Đặng Thị Kiều Hoa	26/09/2003	Nữ	10,0	6,3	8,2	018	✓	✓	
19	113721066	Nguyễn Lê Anh Thư	07/09/2003	Nữ	9,0	4,3	6,7	019	✓	✓	
20	113721067	Nguyễn Thị Mỹ Lil	26/03/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	020	✓	✓	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Đỗ Ngọc T. Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Lư

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21SNV

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....14...../.....3...../.....2023.....

Phòng thi:.....D.71...../.....10.5.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	113721068	Trần Thị Cẩm Tú	02/01/2003	Nữ	8,0	6,8	7,4	001	Trần Cẩm Tú		
2	113721069	Lê Thị Cẩm Nhung	02/11/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	002	Nhung		
3	113721071	Huỳnh Vĩnh Tân	03/02/2003	Nam	8,5	5,5	7,0	003	Huỳnh Vĩnh Tân		
4	113721073	Kim Thế Vinh	24/10/2003	Nam	8,0	3,0	5,5	004	Kim Thế Vinh		
5	113721074	Kim Thị Bích Phụng	22/07/2003	Nữ	6,0	4,5	5,3	005	phung		
6	113721075	Thạch Thị Ngọc Trinh	05/04/2003	Nữ	9,3	4,3	6,8	006	Thạch Ngọc Trinh		
7	113721076	Nguyễn Thị Thủy Diễm	11/01/2003	Nữ	8,0	3,3	5,7	007	Thủy Diễm		
8	113721080	Trần Hoàng Phúc	09/07/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	008	Trần Hoàng Phúc		
9	113721084	Dương Thúy Vy	27/03/2003	Nữ	9,0	6,3	7,7	009	Dương Thúy Vy		
10	113721085	Âu Tuyết Anh	01/09/2003	Nữ	7,5	3,3	5,4	010	Âu Tuyết Anh		
11	113721086	Châu Phong Nhã	20/08/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	011	Châu Phong Nhã		
12	113721089	Kim Thị Ngọc Linh	29/09/2003	Nữ	8,0	2,5	5,3	012	Kim Thị Ngọc Linh		
13	113721090	Đoàn Ngọc Nhi	09/08/2003	Nữ	7,8	5,3	6,6	013	Đoàn Ngọc Nhi		
14	113721091	Trần Thị Như	09/10/2003	Nữ	9,0	4,3	6,7	014	Trần Thị Như		
15	113721092	Trần Ngọc Vinh Hân	24/07/2003	Nữ	8,3	5,0	6,7	015	Trần Ngọc Vinh Hân		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....15.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:15.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....15.....

Tổng số tờ:.....15.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Văn Chí.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....Sơn Sơn Kha.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....Nguyễn Thị Linh.....

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21TCNHA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/03/2023

Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114521001	Hồ Văn Anh	22/11/2003	Nữ	8,0	25	5,3	001	<u>ane</u>		2,5
2	114521003	Nguyễn Khánh Duy	17/01/2003	Nam	8,0	40	6,0	002	<u>Duy</u>		
3	114521005	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	27/12/2003	Nữ	8,0	35	5,8	003	<u>han</u>		
4	114521012	Dương Ngọc Lan	17/06/2003	Nữ	8,0	48	6,4	004	<u>lan</u>		
5	114521013	Nguyễn Gia Linh	24/08/2003	Nữ	7,8	40	5,9	005	<u>linh</u>		
6	114521022	Lê Thị Thuý Nga	16/06/2003	Nữ	8,0	35	5,8	006	<u>thuynga</u>		
7	114521024	Trần Kim Ngân	04/04/2003	Nữ	7,8	48	6,3	007	<u>ngan</u>		
8	114521025	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	22/11/2003	Nữ	8,0	18	4,9	008	<u>ngoc</u>		
9	114521026	Diệp Hồng Ngọc	12/08/2003	Nữ	7,8	28	5,3	009	<u>ngoc</u>		
10	114521027	Phan Linh Nguyên	03/04/2003	Nữ	7,8	55	6,7	010	<u>linh</u>		
11	114521029	Nguyễn Lê Uyên Nhi	19/05/2002	Nữ	7,5	38	5,7	011	<u>nhi</u>		
12	114521030	Lâm Ngọc Quỳnh Như	21/12/2003	Nữ	8,0	33	5,7	012	<u>linh</u>		
13	114521031	Phạm Hồng Nhung	25/12/2003	Nữ	8,0	48	6,4	013	<u>pham</u>		
14	114521033	Nguyễn Thị Yên Pha	28/09/2003	Nữ	8,0	45	6,3	014	<u>pha</u>		
15	114521034	Lê Trúc Phương	04/04/2003	Nữ	7,8	45	6,2	015	<u>phuong</u>		
16	114521035	Huỳnh Thị Diễm Phương	10/12/2003	Nữ	7,8	30	5,4	016	<u>phuong</u>		
17	114521036	Khưu Trần Si Quý	17/01/2003	Nam	8,0	33	5,7	017	<u>quy</u>		
18	114521038	Nguyễn Thành Tấn	18/02/2003	Nữ	8,0	35	5,8	018	<u>tan</u>		
19	114521039	Nguyễn Thị Kim Thanh	07/04/2003	Nữ	8,0	45	6,3	019	<u>thanh</u>		
20	114521040	Cao Thanh Thanh	26/03/2003	Nữ	7,8	35	5,7	020	<u>thanh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Thiên

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 10%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21TCNHA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 3 / 23Phòng thi: Đ71-103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114521047	Đinh Ngọc Anh	Thư	23/03/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	001	Thư		
2	114521055 ✓	Phan Ngọc	Trâm	08/08/2003	Nữ	7,8	3,3	5,6	002	Phan		
3	114521059 ✓	Trương Tú	Trình	11/09/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	003	Trương		
4	114521060	Ngô Thanh	Truyền	16/12/2003	Nam	7,3	4,5	5,9	004	Ngô		
5	114521066	Trần Thị Mai	Xuân	11/12/2003	Nữ	8,3	5,3	6,8	005	Trần		
6	114521067	Lâm Thị Mỹ	Xuyên	30/06/2003	Nữ	8,3	3,5	5,9	006	Lâm		
7	114521154	Đinh Ngọc	Thư	10/10/2003	Nữ	8,0	5,3	6,7	007	Đinh		
8	114521155	Nguyễn Kim Gia	Phụng	05/03/2003	Nữ	8,3	5,0	6,7	008	Nguyễn		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08Tổng số tờ: 08Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị ThanhĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21TCNHB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 3 / 2023Phòng thi: 071.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114521068	Đoàn Hồng Ngọc	14/10/2003	Nữ	7,8	4.0	5,9	001	<u>Nguyen</u>		
2	114521072	Nguyễn Thị Ngọc Thiện	18/11/2003	Nữ	7,8	2.0	4,9	002	<u>Ngoc Thien</u>		
3	114521075	Nguyễn Thị Mộng Thùy	12/07/2003	Nữ	7,8	3.0	5,4	003	<u>Thuy</u>		
4	114521076	Võ Thị Kiều Oanh	01/11/2001	Nữ	7,8	2.3	4,8	004	<u>Kieu Oanh</u>		
5	114521078	Lê Tiểu My	02/08/2002	Nữ	7,8	4.0	5,9	005	<u>My</u>		
6	114521080	Võ Lê Thảo Ngân	04/04/2003	Nữ	7,5	4.5	6,0	006	<u>Thao Ngan</u>		
7	114521083	Nguyễn Hồng Ngọc	13/02/2003	Nữ	7,8	3.3	5,6	007	<u>Nguyen Hong</u>		
8	114521086	Phan Thị Mỹ Huyền	15/03/2002	Nữ	7,5	4.8	6,2	008	<u>Phan My</u>		
9	114521091	Trần Thái Nhân	12/11/2003	Nam	7,8	4.3	6,1	009	<u>Tran Thai</u>		
10	114521093	Ngô Thanh Thủy	07/06/2003	Nữ	7,5	4.3	5,9	010	<u>Ngô Thanh</u>		
11	114521106	Dương Gia Trường	23/11/2003	Nam	7,0	4.5	5,8	011	<u>Duong Gia</u>		
12	114521112	Nguyễn Ngọc Thư	17/12/2003	Nữ	7,5	5.0	6,3	012	<u>Nguyen Ngoc</u>		
13	114521115	Ngô Ngọc Duyên	22/05/2003	Nữ	7,8	4.0	5,9	013	<u>Ngô Ngọc</u>		
14	114521117	Đỗ Thanh Hương	27/04/2003	Nữ	7,5	5.5	6,5	014	<u>Do Thanh</u>		
15	114521118	Ngô Thị Thiên Kim	28/10/2003	Nữ	7,8	4.5	6,2	015	<u>Ngô Thị</u>		
16	114521120	Trần Ngọc Bảo Nghi	06/10/2003	Nữ	7,8	3.5	5,7	016	<u>Tran Ngoc</u>		
17	114521122	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	02/12/2003	Nữ	—	—	—	—	—		NL
18	114521126	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	25/11/2003	Nữ	7,8	3.0	5,4	018	<u>Huynh Thi</u>		
19	114521128	Nguyễn Như Anh	15/09/2003	Nữ	7,8	3.8	5,8	019	<u>Nguyen Nhu</u>		3,8
20	114521134	Trần Thảo Quyên	24/03/2003	Nữ	7,8	3.5	5,7	020	<u>Tran Thao</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Nguyễn Hồng ThanhTrần Văn Khoa

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21TCNHB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TD

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/3/23

Phòng thi: ĐTN-103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114521146 ✓	Trần Bích	Trần	15/10/2003	Nữ	7,8	3,3	5,6	009			
2	114521147	Âu Thành	Phát	16/07/2003	Nam	7,5	2,8	5,2	010			
3	114521148 ✓	Trần Vũ	Trường	13/08/2003	Nam	7,8	4,5	6,2	011			
4	114521149 ✓	Nguyễn Ngọc	Yến	19/11/2003	Nữ	7,8	2,0	4,9	012			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21TTA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/3/2023Phòng thi: D.71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110121024	Trần Bá Hiếu	16/11/2003	Nam	—	—	—	—	—	—	—
2	110121027	Trương Hoàng Hưng	01/04/2003	Nam	7,8	3,8	5,8	002	<u>Trương</u>	—	—
3	110121029	Lâm Quốc Huy	30/10/2003	Nam	7,8	4,3	6,1	003	<u>Huy</u>	—	—
4	110121053	Nghị Tuấn Lộc	13/05/2003	Nam	9,5	3,8	6,7	004	<u>Nghị</u>	—	—
5	110121061	Nguyễn Thanh Lý	26/06/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	005	<u>Lý</u>	—	—
6	110121062	Trần Ngọc Mai	01/01/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	006	<u>Trần</u>	—	—
7	110121070	Cao Duy Nhân	01/11/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	007	<u>Nhân</u>	—	—
8	110121081	Lâm Vĩnh Phát	28/07/1997	Nam	9,3	5,5	7,4	008	<u>Phát</u>	—	—
9	110121082	Diệp Nhất Phi	29/03/2003	Nam	8,0	2,8	5,4	009	<u>Phi</u>	—	—
10	110121109	Nguyễn Thị Ngọc Thư	04/01/2003	Nữ	9,3	4,8	7,1	010	<u>Thư</u>	—	—
11	110121114	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	16/10/2001	Nữ	7,8	3,3	5,6	011	<u>Tiên</u>	—	—
12	110121127	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	12/12/2003	Nữ	7,8	3,0	5,2	012	<u>Tuyền</u>	—	—
13	110121128	Nguyễn Thị Hồng Tuyền	06/02/2003	Nữ	7,3	5,0	6,2	013	<u>Tuyền</u>	—	—
14	110121134	Ngô Thị Trúc Xuân	10/12/2003	Nữ	8,5	3,3	5,9	014	<u>Xuân</u>	—	—
15	110121139	Dương Trung Hiếu	16/03/2000	Nam	9,5	3,8	6,7	015	<u>Hiếu</u>	—	—
16	110121181	Nguyễn Minh Hải Đăng	25/08/2003	Nam	8,0	3,8	5,9	016	<u>Đăng</u>	—	—
17	110121195	Lưu Thị Kim Thư	27/12/2002	Nữ	7,3	4,5	5,9	017	<u>Thư</u>	—	—

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21THC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14/3/23

Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321186	Kim Thị Thanh Xuân	09/07/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	013	<u>Thy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Linh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thy

Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21THD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 3 / 23Phòng thi: D71-103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114321249	Nguyễn Xuân Lan	07/01/2003	Nữ	9,3	4,3	6,8	014	lan		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01Tổng số tờ: 01Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn AnhĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 22 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Anh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (135 -)/DA21SPTK

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....Kt.....3...../.....2023

Phòng thi:.....D71.....105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	118221002	Danh Thị Lel	10/06/2001	Nữ	8,3	4,0	6,7	016	Th		
2	118221003	Chau Rin	16/06/2003	Nam	8,3	3,8	6,1	017	Rin		
3	118221011	Kim Thị Nhi Bình	11/02/2003	Nữ	8,0	3,5	5,8	018	Binh		
4	118221012	Thạch Dương	05/02/2003	Nam	9,0	4,8	6,9	019	Thạch Dương		
5	118221022	Diệp Văn Thia	21/10/2003	Nam	8,5	5,8	7,2	020	Thia		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....15.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:25.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....05.....

Tổng số tờ:.....15.....

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Văn Minh.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 22..... tháng 3..... năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Nguyễn Thị Lành